



Bài báo nghiên cứu

**XÂY DỰNG PHIẾU QUAN SÁT, ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG GIẢNG DẠY
PHỤC VỤ CHO VIỆC ÁP DỤNG KĨ THUẬT VI MÔ
TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN ĐỊA LÍ**

Hà Văn Thắng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: Hà Văn Thắng – Email: thanghv@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 24-4-2019; ngày nhận bài sửa: 19-8-2019; ngày duyệt đăng: 29-8-2019

TÓM TẮT

Bài viết cung cấp cách thức xây dựng phiếu quan sát đánh giá kĩ năng dạy học phục vụ cho việc áp dụng kĩ thuật dạy học vi mô trong các học phần phương pháp giảng dạy Địa lí. Trong đó, tác giả đề cập kĩ thuật dạy học vi mô, kĩ năng dạy học, phân tích những yêu cầu, ưu điểm và hạn chế của các hình thức phiếu quan sát kĩ năng để thiết kế phiếu quan sát phù hợp nhất. Tác giả cũng trình bày kết quả thực nghiệm và đánh giá tính khả thi của các phiếu quan sát đã được thử nghiệm.

Từ khóa: kĩ thuật vi mô, kĩ năng dạy học, phiếu quan sát, người quan sát, người được quan sát.

1. Mở đầu

Kĩ thuật dạy học vi mô là một trong những phương pháp đặc trưng trong đào tạo và huấn luyện sinh viên tại các trường có đào tạo sư phạm. Trong kĩ thuật này, để thực hiện các bài giảng vi mô sinh viên cần được sự chỉ dẫn của các phiếu quan sát, đánh giá từng kĩ năng sư phạm. Đối với sinh viên thực hành kĩ năng, phiếu quan sát sẽ là căn cứ quan trọng để họ xác định mục tiêu và định hướng luyện tập; đối với giảng viên và sinh viên quan sát là căn cứ để đánh giá chính xác thực trạng kĩ năng của sinh viên thực hành. Chính vì thế thiết kế các phiếu quan sát, đánh giá kĩ năng tốt sẽ đảm bảo một phần tính hiệu quả của kĩ thuật này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kĩ thuật dạy học vi mô (KTDHVM) và vai trò của Phiếu quan sát

Tran (2013), trên cơ sở kế thừa các định nghĩa về kĩ thuật vi mô của Allen (1966), Bush (1968), Bruce (1970), Mc Aleese (1971), Clif et al. (1976)... và xem xét những dấu hiệu bản chất của phương pháp, đã đưa ra khái niệm về kĩ thuật vi mô hay phương pháp dạy học vi mô như sau: *Phương pháp dạy học vi mô là phương pháp đào tạo giáo viên, trong đó mỗi sinh viên sẽ tập trung vận dụng một hoặc một vài kĩ năng dạy học để thực hiện một bài học vi mô trong một thời gian ngắn cho một nhóm nhỏ học sinh.*

Cite this article as: Ha Van Thang (2019). Designing teaching skills observation forms for micro-teaching technique in Geography teacher education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 16(9), 450-466.

Dang và Nguyen (2004), đã trình bày về đặc điểm và quy trình của kĩ thuật dạy học vi mô như sau:

Kĩ thuật dạy học vi mô được xây dựng trên một khái niệm cơ bản: năng lực sư phạm. Dạy học là một hoạt động phức tạp, do đó cần nắm được các thành phần của nó, từ đó có được kiến thức và các năng lực sư phạm.

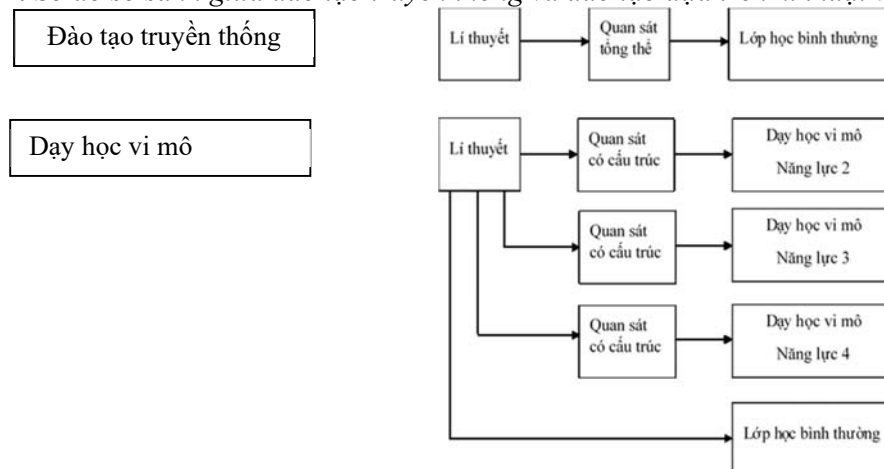
Kĩ thuật dạy học vi mô chủ trương tạo cho sinh viên các năng lực sư phạm riêng biệt, xác định, chứ không tạo cho sinh viên hành động sư phạm trong mọi hoàn cảnh.

Kĩ thuật dạy học vi mô sử dụng việc ghi hình trong quá trình tập giảng của sinh viên. Ghi hình là phương tiện phản hồi giàu thông tin và hiệu quả cao, giúp cho sinh viên tự soi, tự thấy mình trong hành động, điều chỉnh các hành vi ứng xử sư phạm, tự đánh giá thành tích tập dượt rèn luyện của mình. Sinh viên thực tập giảng dạy các phần của bài học với thời gian ngắn 15-20 phút, được ghi hình và phát lại trên màn hình với số lần cần thiết để từng nhóm sinh viên, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, tập dượt quan sát sâu sắc, phân tích tỉ mỉ, thảo luận rút kinh nghiệm, đề xuất hướng vận dụng những kiến thức lí luận đã học vào bài giảng.

Sau buổi lên lớp, giáo sinh cùng với những người dự giờ xem xét lại toàn bộ bài giảng, những điểm chủ chốt của công đoạn và tiến hành phân tích bài giảng. Giáo sinh bắt đầu bằng việc tự đánh giá, tiếp đến là đánh giá của những người dự giờ được ghi trên phiếu trong quá trình lên lớp.

Sau khi có sự đánh giá tập thể, giáo sinh xem xét lại việc giảng dạy của mình, chú ý tới những lời phê bình và lời khuyên đã nhận được và lên lớp lại một lần nữa với một nhóm học sinh khác. Lần lên lớp thứ hai này cũng lại được tiếp nối bằng một buổi phân tích và nhận được tín hiệu phản hồi lần thứ hai.

Hình 1. Sơ đồ so sánh giữa đào tạo truyền thống và đào tạo dựa trên kĩ thuật vi mô



Các thành phần của phương pháp dạy học vi mô gồm:

- Sinh viên thực hiện: Một sinh viên đóng vai giáo viên tiến hành bài học vi mô
- Học sinh: Từ 5-10 sinh viên đóng vai học sinh tham gia bài học
- Giáo án vi mô: Một giáo án cho bài học vi mô trong vòng 5-15 phút
- Bài học vi mô: Bài giảng của sinh viên thực hiện trong lớp học để cụ thể hóa giáo án vi mô
- Kỹ năng dạy học: Một hoặc một nhóm kỹ năng dạy học được rèn luyện
- Giáo viên hướng dẫn: Một giáo viên hướng dẫn thực hành
- Phiếu quan sát: Phiếu quan sát bài học vi mô
- Nhóm quan sát: Một nhóm quan sát từ 10-20 sinh viên
- Đoạn phim: Đoạn phim ghi hình bài học vi mô
- Nhận xét: Nhận xét của những người quan sát (Tran, 2013).

Như vậy, quan sát có cấu trúc là một trong những khâu hết sức quan trọng trong dạy học vi mô để tạo nên sự khác biệt với phương thức đào tạo truyền thống. Sự quan sát này được cụ thể hóa thành các phiếu quan sát xây dựng cho từng kỹ năng dạy học hoặc tổng hợp kỹ năng dạy học.

2.2. Kỹ năng giảng dạy và kỹ năng giảng dạy Địa lí

Kỹ năng giảng dạy là sự thực hiện có kết quả một số thao tác hay một loạt thao tác phức hợp của một hành động giảng dạy bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức chuyên môn và nghiệp vụ cần thiết vào các tình huống dạy học xác định (Tran, 1996, p.71).

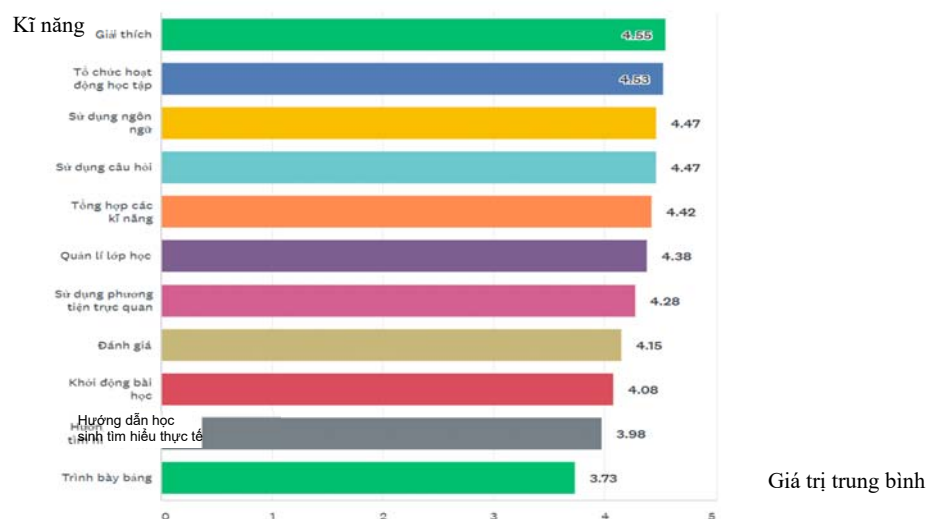
Hệ thống kỹ năng dạy học phân chia theo tiến trình dạy học bao gồm: 1/Lập kế hoạch bài học: Xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung kiến thức, lựa chọn phương pháp dạy học, lựa chọn phương tiện dạy học, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học, thiết kế các hoạt động dạy học, thiết kế nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá. 2/Thực hiện kế hoạch bài học: Diễn đạt ngôn ngữ, định hướng bài học, tổ chức hoạt động học nhóm cho học sinh, sử dụng câu hỏi, giải thích, liên hệ thực tiễn bằng ví dụ, sử dụng phương tiện dạy học, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, kết hợp các phương pháp dạy học, hướng dẫn học sinh tìm hiểu thực tế địa phương, tích hợp các nội dung giáo dục trong hoạt động dạy học, giao tiếp sư phạm, quản lý lớp học, kiểm tra – đánh giá, tổng kết bài. (Tran, 2013)

Nguyen và Nguyen (2006), khi trình bày về các phương pháp dạy học Địa lí đã nhấn mạnh vai trò của nhóm các phương pháp truyền thống dùng lời để trình bày và nhóm các phương pháp hướng dẫn học sinh tích cực, chủ động khai thác tri thức địa lí.

Trong mỗi phương pháp có một hoặc một số kỹ năng dạy học được nhấn mạnh và việc thực hiện thành thạo những kỹ năng này có vai trò quyết định cho sự thành công của phương pháp đó. Ví dụ, trong phương pháp giảng giải và giảng thuật thì kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và kỹ năng giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí là rất quan trọng; trong phương pháp đàm thoại nhất là đàm thoại gợi mở, đàm thoại nêu vấn đề thì không thể không thành thạo kỹ năng sử dụng câu hỏi. Kỹ năng sử dụng các phương tiện trực quan sẽ hỗ trợ cho việc thực

hiện nhóm phương pháp hướng dẫn học sinh tích cực, chủ động khai thác tri thức địa lí với các phương tiện dạy học. Những phương pháp nêu trên vận hành kết hợp với một số kỹ năng dạy học nền tảng như: kỹ năng khởi động bài học, kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập, kỹ năng trình bày bảng...

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tế của người học trong việc rèn luyện các kỹ năng dạy học, những kỹ năng sau được lựa chọn để áp dụng trong dạy học vi mô:



Hình 2. Nhu cầu rèn luyện các kỹ năng dạy học của sinh viên K41 Khoa Địa lí

Từ kết quả khảo sát có thể thấy: Sinh viên có nhu cầu cao trong rèn luyện các kỹ năng *Giải thích, Tổ chức hoạt động học tập, Sử dụng ngôn ngữ, Sử dụng câu hỏi*. Ngược lại họ ít có nhu cầu hơn với các kỹ năng *Trình bày bảng, Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thực tế*. Từ đó các kỹ năng được lựa chọn và xây dựng thứ tự ưu tiên luyện tập như sau:

1. Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập
2. Kỹ năng giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí
3. Kỹ năng sử dụng câu hỏi trong dạy học Địa lí
4. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ
5. Kỹ năng sử dụng các phương tiện trực quan: bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, số liệu thống kê, tranh ảnh, phim giáo khoa địa lí...
6. Kỹ năng khởi động bài học
7. Kỹ năng trình bày bảng

Rèn luyện kỹ năng trình bày bảng, người học có nhu cầu thấp nhất (3.73). Khi được hỏi về lí do, sinh viên cho rằng: Hiện nay các công cụ dạy học hiện đại như máy chiếu, tivi, bảng tương tác đang dần thay thế bảng phấn. Hơn thế nữa, kỹ năng trình bày bảng cần luyện tập lâu dài và tự luyện tập là chủ yếu. Tuy nhiên, xét về mức độ cần thiết trong điều kiện dạy

học hiện tại ở trường phổ thông, trình bày bảng vẫn được đưa vào danh sách những kỹ năng cần được rèn luyện.

Chúng tôi không lựa chọn kỹ năng tổ chức và quản lý lớp học, mặc dù sinh viên có nhu cầu cao, vì việc rèn luyện các kỹ năng này khó thực hiện trong điều kiện thời gian dạy học không dài của kỹ thuật vi mô.

Các kỹ năng đánh giá trong dạy học Địa lý và Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thực tế địa phương thì sinh viên không thực sự có nhu cầu. Hơn thế nữa, kỹ thuật vi mô cũng không phù hợp để rèn luyện những kỹ năng này.

2.3. Xây dựng phiếu quan sát, đánh giá kỹ năng phục vụ áp dụng kỹ thuật vi mô

2.3.1. Những yêu cầu của phiếu quan sát kỹ năng trong kỹ thuật vi mô

Phiếu quan sát là công cụ giúp cho người quan sát định hướng những yếu tố cần quan sát trong bài học vi mô. Đối với người được quan sát, phiếu này giúp cho sinh viên biết được những điểm đạt được hoặc chưa đạt được ở kỹ năng đang được rèn luyện, qua đó các em có thể có những định hướng tốt trong những lần giảng tập tiếp theo (Tran, 2013).

Phiếu quan sát trong kỹ thuật vi mô cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- **Tính định lượng:** Các mức độ đánh giá từng kỹ năng phải được định lượng theo những thang đo phù hợp. Điều này giúp cho giảng viên cũng như sinh viên thực hành có thể kiểm soát được sự tiến bộ trong quá trình áp dụng kỹ thuật vi mô. Hơn thế, việc phân tích kết quả thông qua các công cụ xử lý số liệu thống kê cũng dễ dàng hơn.

- **Tính định tính:** Việc đưa ra phản hồi trực tiếp cho người thực hiện bài học vi mô về phương diện nào đó quan trọng hơn những tiêu chí định lượng vì được đúc kết từ kinh nghiệm của giảng viên và quan điểm của người quan sát. Chính vì thế, các bảng khảo sát cần có sự bổ sung các câu hỏi mở bên cạnh những tiêu chí cụ thể được lượng hóa. Những câu hỏi này giúp làm rõ nhận định của người quan sát ở các tiêu chí định lượng đồng thời cung cấp những chỉ dẫn cụ thể để người được quan sát có định hướng hoàn thiện kỹ năng.

- **Độ chi tiết:** Những mô tả trong phiếu quan sát phải đủ chi tiết để người được quan sát có thể nhận biết được mức độ đạt được những yêu cầu về mặt kỹ năng khi họ thực hành các bài giảng vi mô. Bên cạnh đó, người quan sát có căn cứ để đánh giá một cách tỉ mỉ và chính xác kỹ năng của người được quan sát.

- **Độ đơn giản:** Phiếu quan sát phải ngắn gọn, súc tích và khoa học để người quan sát có thể hoàn thành một cách nhanh chóng và thuận lợi. Các yếu tố trong phiếu quan sát cũng không nên quá chi tiết bởi nó sẽ gây khó khăn cho việc ghi nhớ các tình huống đã xuất hiện trong bài học vi mô khi người quan sát tiến hành đánh giá. Hơn thế nữa, sau khi kết thúc các bài học vi mô, người quan sát thường có rất ít thời gian để hoàn thành phiếu. Nếu phiếu quá phức tạp thì không những không hoàn thành mà tính chính xác của các yếu tố được đánh giá cũng sẽ giảm đi.

2.3.2. Một số hình thức của phiếu quan sát kỹ năng trong kỹ thuật dạy học vi mô

Có nhiều hình thức của phiếu quan sát kỹ năng. Trên cơ sở đề xuất của Tran (2013) có tham khảo nghiên cứu của Trinh & Doan (2015) và Ton (nd), chúng tôi trình bày 08 mẫu với những phân tích về ưu điểm và hạn chế của từng loại để từ đó lựa chọn và xây dựng một mẫu phiếu cho kỹ thuật vi mô phù hợp nhất.

Bảng 1. Ưu điểm, hạn chế của một số hình thức của phiếu quan sát kỹ năng

Hình thức	Cách thức sử dụng	Ưu điểm	Hạn chế																																																								
<p>Công cụ mã hóa FIAC (Flanders Interaction Analysis Categories)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Các yêu cầu quan sát</th> <th>Khu vực đánh dấu của người quan sát</th> <th>Thời gian</th> <th>Tỉ lệ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chấp nhận lời nói hay thái độ của HS</td> <td>III</td> <td>3</td> <td>0,5</td> </tr> <tr> <td>2. Kiên nghị hay có vẻ ngại HS</td> <td>IIII I</td> <td>6</td> <td>2,5</td> </tr> <tr> <td>3. Chấp nhận hay từ chối các ý tưởng của HS</td> <td>IIII IIII II</td> <td>12</td> <td>5,0</td> </tr> <tr> <td>4. Sử dụng câu hỏi</td> <td>IIII IIII IIII IIII II</td> <td>22</td> <td>9,2</td> </tr> <tr> <td>5. Thảo luận</td> <td>IIII IIII IIII IIII IIII I</td> <td>130</td> <td>54,2</td> </tr> <tr> <td>6. Dùng từ các hướng dẫn, yêu cầu...</td> <td>IIII IIII III I</td> <td>16</td> <td>6,7</td> </tr> <tr> <td>7. Sử dụng sự chỉ trích hay phê phán</td> <td>III</td> <td>4</td> <td>1,6</td> </tr> <tr> <td>8. Phán ứng bằng lời</td> <td>IIII IIII II</td> <td>12</td> <td>9,2</td> </tr> <tr> <td>9. Khôi nguyên sự tương tác</td> <td>IIII IIII IIII IIII II</td> <td>22</td> <td>9,0</td> </tr> <tr> <td>10. In (áp) hoặc khoắc (đánh) tiếp trước có tương tác hay không</td> <td>IIII IIII IIII</td> <td>14</td> <td>5,8</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: right;">Tổng số</td> <td>241</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	Các yêu cầu quan sát	Khu vực đánh dấu của người quan sát	Thời gian	Tỉ lệ	1. Chấp nhận lời nói hay thái độ của HS	III	3	0,5	2. Kiên nghị hay có vẻ ngại HS	IIII I	6	2,5	3. Chấp nhận hay từ chối các ý tưởng của HS	IIII IIII II	12	5,0	4. Sử dụng câu hỏi	IIII IIII IIII IIII II	22	9,2	5. Thảo luận	IIII IIII IIII IIII IIII I	130	54,2	6. Dùng từ các hướng dẫn, yêu cầu...	IIII IIII III I	16	6,7	7. Sử dụng sự chỉ trích hay phê phán	III	4	1,6	8. Phán ứng bằng lời	IIII IIII II	12	9,2	9. Khôi nguyên sự tương tác	IIII IIII IIII IIII II	22	9,0	10. In (áp) hoặc khoắc (đánh) tiếp trước có tương tác hay không	IIII IIII IIII	14	5,8	Tổng số		241	100	<p>Người quan sát đánh dấu vào các yếu tố tương ứng với các hành vi xuất hiện trong bài giảng vi mô. Mỗi một lần hành vi xuất hiện sẽ được vạch một gạch vào “khu vực đánh dấu của người quan sát” trên phiếu</p>	<p>Đối với giảng viên và người quan sát: khách quan và dễ thực hiện. Bởi vì họ chỉ cần đánh dấu vào các hành vi khi nó xuất hiện trong bài giảng vi mô của người được quan sát</p>	<p>Các yếu tố trong phiếu được liệt kê một cách đơn giản sẽ gây khó khăn đối với người thực hành kỹ năng vì thiếu tính chỉ dẫn</p>								
Các yêu cầu quan sát	Khu vực đánh dấu của người quan sát	Thời gian	Tỉ lệ																																																								
1. Chấp nhận lời nói hay thái độ của HS	III	3	0,5																																																								
2. Kiên nghị hay có vẻ ngại HS	IIII I	6	2,5																																																								
3. Chấp nhận hay từ chối các ý tưởng của HS	IIII IIII II	12	5,0																																																								
4. Sử dụng câu hỏi	IIII IIII IIII IIII II	22	9,2																																																								
5. Thảo luận	IIII IIII IIII IIII IIII I	130	54,2																																																								
6. Dùng từ các hướng dẫn, yêu cầu...	IIII IIII III I	16	6,7																																																								
7. Sử dụng sự chỉ trích hay phê phán	III	4	1,6																																																								
8. Phán ứng bằng lời	IIII IIII II	12	9,2																																																								
9. Khôi nguyên sự tương tác	IIII IIII IIII IIII II	22	9,0																																																								
10. In (áp) hoặc khoắc (đánh) tiếp trước có tương tác hay không	IIII IIII IIII	14	5,8																																																								
Tổng số		241	100																																																								
<p>Phiếu đánh giá sự tiến bộ (Rating schedule)</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>1. Lời giải thích của GV rõ ràng và làm cho HS hiểu</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>2. Lời giải thích bao gồm những điểm sau đây:</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>3. Những ví dụ và minh họa phù hợp với lời giải thích</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>4. GV dùng ngôn ngữ ngắn gọn</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>5. GV làm rõ những ý kiến của HS khi cần thiết</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>6. GV sử dụng PTĐH hiệu quả trong quá trình giảng dạy</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>7. GV sử dụng ngôn ngữ phù hợp</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> </tbody> </table>	1. Lời giải thích của GV rõ ràng và làm cho HS hiểu	1	2	3	4	5	6	7	2. Lời giải thích bao gồm những điểm sau đây:	1	2	3	4	5	6	7	3. Những ví dụ và minh họa phù hợp với lời giải thích	1	2	3	4	5	6	7	4. GV dùng ngôn ngữ ngắn gọn	1	2	3	4	5	6	7	5. GV làm rõ những ý kiến của HS khi cần thiết	1	2	3	4	5	6	7	6. GV sử dụng PTĐH hiệu quả trong quá trình giảng dạy	1	2	3	4	5	6	7	7. GV sử dụng ngôn ngữ phù hợp	1	2	3	4	5	6	7	<p>Phiếu này sử dụng thang đo 7 mức từ 1 đến 7 tương ứng từ thấp đến cao của mức độ thành công của mỗi thành phần trong một kỹ năng. Người quan sát chỉ lựa chọn một mức độ nhất định cho từng yếu tố thành phần khi đánh giá</p>	<p>Dạng phiếu này thể hiện tính khách quan và rất dễ thực hiện khi quan sát</p>	<p>Người quan sát sẽ gặp khó khăn khi đưa ra quyết định lựa chọn mức độ nào cho đánh giá của mình vì thiếu chỉ dẫn chi tiết</p>
1. Lời giải thích của GV rõ ràng và làm cho HS hiểu	1	2	3	4	5	6	7																																																				
2. Lời giải thích bao gồm những điểm sau đây:	1	2	3	4	5	6	7																																																				
3. Những ví dụ và minh họa phù hợp với lời giải thích	1	2	3	4	5	6	7																																																				
4. GV dùng ngôn ngữ ngắn gọn	1	2	3	4	5	6	7																																																				
5. GV làm rõ những ý kiến của HS khi cần thiết	1	2	3	4	5	6	7																																																				
6. GV sử dụng PTĐH hiệu quả trong quá trình giảng dạy	1	2	3	4	5	6	7																																																				
7. GV sử dụng ngôn ngữ phù hợp	1	2	3	4	5	6	7																																																				
<p>Danh mục kiểm soát (Checklist)</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>1. Không có lời nói của GV có dấu hiệu gây thích thú của nhóm?</td> </tr> <tr> <td>2. GV có nói chuyện tự nhiên với nhóm?</td> </tr> <tr> <td>3. GV có giải thích câu hỏi sao, tại sao?</td> </tr> <tr> <td>4. GV có đưa ra câu hỏi mở trong quá trình giảng dạy?</td> </tr> <tr> <td>5. GV có làm cho học sinh có vẻ sợ hãi hay không?</td> </tr> <tr> <td>6. Các câu hỏi của GV có đưa ra các câu trả lời ngắn gọn hay không?</td> </tr> <tr> <td>7. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của GV không?</td> </tr> <tr> <td>8. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?</td> </tr> <tr> <td>9. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?</td> </tr> <tr> <td>10. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?</td> </tr> <tr> <td>11. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?</td> </tr> <tr> <td>12. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?</td> </tr> </tbody> </table>	1. Không có lời nói của GV có dấu hiệu gây thích thú của nhóm?	2. GV có nói chuyện tự nhiên với nhóm?	3. GV có giải thích câu hỏi sao, tại sao?	4. GV có đưa ra câu hỏi mở trong quá trình giảng dạy?	5. GV có làm cho học sinh có vẻ sợ hãi hay không?	6. Các câu hỏi của GV có đưa ra các câu trả lời ngắn gọn hay không?	7. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của GV không?	8. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?	9. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?	10. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?	11. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?	12. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?	<p>Phiếu được thiết kế để kiểm tra xem có hay không việc xuất hiện các hành vi trong một bài giảng vi mô. Người quan sát chỉ cần đánh dấu vào những yếu tố có và bỏ trống những yếu tố không xuất hiện trong bài giảng của người được quan sát</p>	<p>Dễ dàng cho người quan sát, nhanh chóng và tiện lợi</p>	<p>Không đánh giá được chi tiết từng yếu tố của kỹ năng</p>																																												
1. Không có lời nói của GV có dấu hiệu gây thích thú của nhóm?																																																											
2. GV có nói chuyện tự nhiên với nhóm?																																																											
3. GV có giải thích câu hỏi sao, tại sao?																																																											
4. GV có đưa ra câu hỏi mở trong quá trình giảng dạy?																																																											
5. GV có làm cho học sinh có vẻ sợ hãi hay không?																																																											
6. Các câu hỏi của GV có đưa ra các câu trả lời ngắn gọn hay không?																																																											
7. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của GV không?																																																											
8. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?																																																											
9. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?																																																											
10. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?																																																											
11. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?																																																											
12. GV có sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn và rõ ràng để truyền đạt ý kiến của HS không?																																																											

Phiếu thiết kế dạng Rubric phân tích				
Mức độ của năng lực và dụng cụ/nội dung học/đánh giá học sinh phổ thông				
Năng lực	5	4	3	2
	Hiểu và tái tạo các thông tin liên quan và hiểu được các mối liên hệ giữa các thông tin và kiến thức học tập liên quan một cách tự sáng tạo.	Hiểu và tái tạo được một số thông tin và kiến thức liên quan.	Hiểu và tái tạo được một số thông tin và kiến thức liên quan.	Chỉ hiểu được một số thông tin và kiến thức liên quan.
Ý thức xã hội (NSH)	Có thái độ tích cực và trách nhiệm xã hội, sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội.	Có thái độ tích cực và trách nhiệm xã hội.	Có thái độ tích cực và trách nhiệm xã hội.	Chỉ có thái độ tích cực và trách nhiệm xã hội.
Ý thức pháp luật (NSH)	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan và có thái độ tích cực trong việc tuân thủ pháp luật.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Chỉ hiểu được các quy định pháp luật liên quan.
Ý thức môi trường (NSH)	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan và có thái độ tích cực trong việc bảo vệ môi trường.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Chỉ hiểu được các quy định pháp luật liên quan.
Ý thức an toàn (NSH)	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan và có thái độ tích cực trong việc đảm bảo an toàn.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Chỉ hiểu được các quy định pháp luật liên quan.
Ý thức sức khỏe (NSH)	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan và có thái độ tích cực trong việc bảo vệ sức khỏe.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Hiểu và tái tạo được các quy định pháp luật liên quan.	Chỉ hiểu được các quy định pháp luật liên quan.

Người quan sát sẽ lựa chọn một mức độ nhất định của việc đạt được kỹ năng dựa vào những đặc tả tương ứng

Người quan sát dễ dàng lựa chọn một mức độ để đánh giá việc đạt được các kỹ năng của người thực hành thông qua những đặc tả chi tiết. Người thực hành cũng biết được mình đang ở mức độ nào của những kỹ năng họ đang rèn luyện.

Việc xây dựng các Rubric đánh giá tốn rất nhiều thời gian và công sức vì phải đặc tả chi tiết, cụ thể cho từng tiêu chí và từng mức độ đạt được các tiêu chí.
 - Nếu giảng viên không nắm vững kỹ thuật, các đặc tả có thể không chính xác và sẽ gây khó khăn cho người quan sát.
 - Việc quy đổi thành các thang điểm cũng gặp khó khăn

(Ton, nd; Tran, 2013; Trinh, & Doan, 2015)

2.3.3. Phiếu quan sát kỹ năng phục vụ kỹ thuật vi mô trong dạy các học phần phương pháp giảng dạy Địa lí

Việc thiết kế hình thức thể hiện phiếu quan sát kỹ năng phục vụ áp dụng kỹ thuật vi mô trong dạy học các học phần về phương pháp giảng dạy Địa lí dựa trên những cơ sở sau:

- **Mục tiêu của việc quan sát và đánh giá kỹ năng:** Thiết lập mục tiêu đánh giá kỹ năng dạy học của sinh viên ngành Sư phạm Địa lí là công việc đầu tiên cần tiến hành để xây dựng phiếu quan sát. Các yêu cầu và mức độ đạt được các kỹ năng phải được định lượng sao cho phù hợp với năng lực hiện tại của sinh viên, đồng thời cũng phải tạo ra những thử thách để các em rèn luyện. Tức là, cũng là một kỹ năng, sử dụng chung mức độ thang đo nhưng định nghĩa về mức độ đạt được phải khác nhau giữa sinh viên năm hai, năm ba và năm thứ tư. Bên cạnh đó, mỗi phiếu quan sát sẽ tập trung vào những yếu tố chủ chốt, quan trọng của các kỹ năng mà theo đó việc đạt được những yếu tố này sẽ là nền tảng quyết định sự thành công khi sinh viên thực hành.

- **Ưu điểm, hạn chế của các hình thức phiếu quan sát:** Từ Bảng 1 - Ưu điểm, hạn chế của một số hình thức của phiếu quan sát kỹ năng trong kỹ thuật vi mô, có thể thấy rằng: rất khó để có thể có một phiếu quan sát đảm bảo đầy đủ các yêu cầu được đề cập trong mục 2.3.1. Nếu phiếu quan sát muốn thu được kết quả phản hồi chi tiết thì sẽ không đảm bảo thời gian; nếu muốn phiếu quan sát dễ dàng cho người thực hiện thì lại không nhận được phản

hồi chi tiết, nếu phiếu được xây dựng với nội dung mở thì sẽ giảm tính khách quan, ngược lại nếu quá đóng thì sẽ không nhận được những phản hồi sâu sắc, tích cực... Chính vì thế, cần có sự kết hợp nhiều hình thức vào một phiếu quan sát kỹ năng trong kỹ thuật vi mô.

- **Nội hàm của các kỹ năng trong dạy học Địa lí:** Các kỹ năng dạy học được cấu trúc từ nhiều thành tố, trong đó có những thành tố chính quyết định việc thực hành thành công hay không thành công kỹ năng đó. Phiếu quan sát kỹ năng phải có đầy đủ các yếu tố đó đồng thời phải nhấn mạnh các yếu tố chính.

- **Kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghề nghiệp trong dạy học Địa lí:** Trên nền tảng các kỹ năng dạy học chung, kỹ năng dạy học Địa lí có những đặc thù riêng gắn với kiến thức chuyên môn. Nội dung của các yếu tố cấu thành kỹ năng dạy học chính vì thế phải rất chú ý đến vấn đề này.

Bảng 2. Phiếu quan sát thực hành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

PHIẾU QUAN SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ
Áp dụng cho: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

I. Thông tin chung

Họ và tên SV được đánh giá:.....Lớp.....Khóa.....
 Người đánh giá:.....Đối tượng:.....
 Nội dung thực hành:.....
 Bài học:.....Tiết.....Mục.....Chương trình ĐL lớp:.....
 Ngày.....tháng.....năm.....

II. Bảng tiêu chí đánh giá

Các tiêu chí	Các mức độ đánh giá				
	Rất thành thạo	Thành thạo	Khá thành thạo	Chưa thành thạo	Không có kỹ năng
Phát âm đúng ngữ pháp					
Sử dụng ngôn ngữ chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu, logic, hình tượng					
Ngữ điệu của giọng nói:					
- Âm điệu cao/ thấp được sử dụng phù hợp					
- Sử dụng cường độ mạnh – yếu					
- Sử dụng trường độ ngắn – dài					
- Sử dụng điểm ngắt quãng					
Âm lượng giọng nói đủ để tất cả thành viên trong phòng học có thể nghe					
Phối hợp tốt với ngôn ngữ cơ thể khi nói để tăng hiệu quả diễn đạt					

III. Đánh giá chi tiết

1. Những **lỗi chính tả** người dạy thường gặp:
2. Một số hạn chế cần cải tiến trong **ngữ điệu** người dạy sử dụng:
3. Cách **diễn đạt** ngôn ngữ cần khắc phục hạn chế nào?
4. Những nhận xét và gợi ý khác về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ:

Bảng 3. Phiếu quan sát thực hành kỹ năng giải thích

PHIẾU QUAN SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Áp dụng cho: Kỹ năng giải thích

I. Thông tin chung

Họ và tên SV được đánh giá:.....Lớp:.....Khóa:.....

Người đánh giá:.....Đối tượng: Giảng viên/ sinh viên

Nội dung thực hành:.....

Bài học:.....Tiết:.....Mục:.....Chương trình lớp:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

II. Bảng tiêu chí đánh giá

Các tiêu chí	Các mức độ đánh giá				
	Rất thành thạo	Thành thạo	Khá thành thạo	Chưa thành thạo	Không có kỹ năng
Lời giải thích của giáo viên rõ ràng, chính xác, học sinh có thể hiểu đầy đủ nội dung					
Lời giải thích nhấn mạnh những điểm chính/chủ chốt của nội dung					
Những ví dụ và minh họa phù hợp với nội dung cần giải thích					
Giáo viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hỗ trợ cho việc giải thích					
Cách giáo viên lắng nghe, phản hồi câu trả lời của học sinh					
Cách giáo viên hệ thống hóa câu trả lời của học sinh và đưa ra đáp án cho phần giải thích					
Giáo viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp (bao gồm cả ngôn ngữ cơ thể)					

III. Đánh giá chi tiết

1. Những điểm **chưa chính xác** trong phần giải thích của giáo viên là gì?

2. Một số hạn chế cần cải tiến trong **sử dụng câu hỏi/ ngôn ngữ** người dạy là gì?

3. Cách sử dụng **phương tiện trực quan/ví dụ** cần khắc phục hạn chế nào?

4. Những nhận xét và gợi ý khác về kỹ năng giải thích dành cho người thực hành:

2.3. Thực nghiệm sư phạm và đánh giá

2.3.1. *Thiết kế thực nghiệm sư phạm*

- **Mục đích:** Kiểm tra tính phù hợp của các phiếu quan sát, đánh giá kỹ năng dạy học trong quá trình áp dụng kỹ thuật vi mô để từ đó có những điều chỉnh và cải tiến phù hợp.

- **Đối tượng thực nghiệm:** Sinh viên K41 Khoa Địa lí tham gia học phần Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông.

- **Thời gian thực nghiệm:** Từ tháng 9 đến hết tháng 12 năm 2018

- **Cách thức thực nghiệm:** Sinh viên được cung cấp bộ Phiếu quan sát và đánh giá kỹ năng dạy học phục vụ cho việc thực hành bài giảng vi mô trong lớp cũng như ngoài lớp (phòng thực hành kỹ năng sư phạm, ở nhà). Hệ thống phiếu này dùng chung cho cả những sinh viên quan sát và những sinh viên được quan sát. Kết thúc khóa học, sinh viên sẽ được khảo sát để đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của các phiếu quan sát đã được áp dụng.

2.3.2. Đánh giá kết quả thực nghiệm

Dữ liệu thực nghiệm được thu thập thông qua bảng hỏi và phỏng vấn sinh viên tham gia lớp học có áp dụng kỹ thuật vi mô. Việc đánh giá tính phù hợp của phiếu quan sát kỹ năng dựa trên các tiêu chí sau:

Đánh giá về mức độ phù hợp của phiếu quan sát kỹ năng trên các tiêu chí sau

- Giúp sinh viên đánh giá một cách chính xác các kỹ năng dạy học
- Hỗ trợ SV trong quá trình quan sát và góp ý cho những SV thực hành bài giảng vi mô
- Định hướng cho sinh viên khi thực hành kỹ năng dạy học
- Bảng quan sát được thiết kế với các tiêu chí rõ ràng, dễ đánh giá
- Bảng quan sát được thiết kế có tính định lượng
- Bảng quan sát được thiết kế có tính định tính
- Bảng quan sát được thiết kế có tính khách quan.

Đánh giá chung về tính phù hợp của các phiếu quan sát dành cho mỗi kỹ năng:

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ (Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể)
- Kỹ năng sử dụng câu hỏi
- Kỹ năng giải thích
- Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập
- Kỹ năng trình bày bảng
- Kỹ năng khởi động bài học
- Kỹ năng sử dụng các phương tiện trực quan
- Tổng hợp các kỹ năng dạy học.

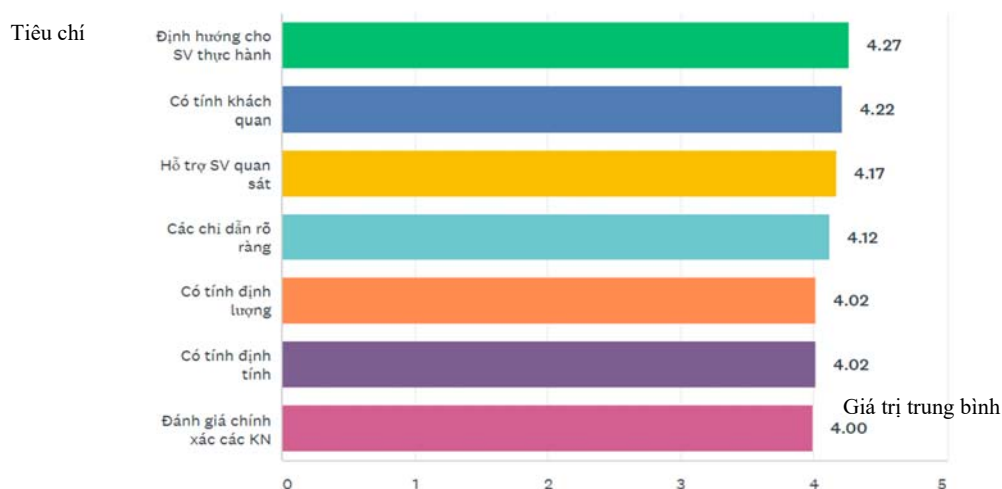
Đánh giá mức độ khó khăn khi sử dụng các phiếu quan sát theo các tiêu chí sau:

- Những chỉ dẫn, hướng dẫn để thực hiện phiếu quan sát
- Diễn đạt các mức độ đạt được của các yếu tố
- Đưa ra quyết định về mức độ đạt được của các yếu tố khi đánh giá sinh viên thực hành
- Định hướng cho việc thực hành các kỹ năng dạy học của sinh viên thực hành
- Trả lời những câu hỏi mở trong phiếu
- Cách diễn đạt các yếu tố trong mỗi kỹ năng
- Xem video ghi hình bài giảng và làm phiếu quan sát.

Các tiêu chí được đánh giá từ thấp đến cao theo thang đo 5 bậc (Hoàn toàn không đồng ý - Không đồng ý - Phân vân - Đồng ý - Hoàn toàn đồng ý; Không phù hợp - Chưa phù hợp - Khá phù hợp - Phù hợp - Rất phù hợp...)

Sau thực nghiệm và phân tích kết quả có thể đưa ra một số nhận định sau:

Thứ nhất, sinh viên đánh giá cao chất lượng của phiếu quan sát khi mà tất cả các tiêu chí đều đạt điểm trung bình từ trên 4.0 (đồng ý). Trong đó các tiêu chí đạt điểm cao nhất là: *Định hướng cho sinh viên khi thực hành kỹ năng dạy học* (4.25), *Bảng quan sát được thiết kế có tính khách quan* (4.25) và *Hỗ trợ sinh viên trong quá trình quan sát và góp ý cho những sinh viên thực hành bài giảng vi mô* (4.17). Tiêu chí có điểm số thấp nhất là *Đánh giá một cách chính xác các kỹ năng dạy học* (4.0) điều này được sinh viên giải thích bằng các lí do sau: Thứ nhất, một số tiêu chí có thông số không rõ ràng, ví dụ tiêu chí *Ngữ điệu của giọng nói trong bảng quan sát kỹ năng sử dụng ngôn ngữ*; Thứ hai, khi tiến hành đánh giá các tiêu chí của mỗi bảng quan sát bị chi phối bởi quan điểm cá nhân dẫn đến tính chính xác bị giảm.



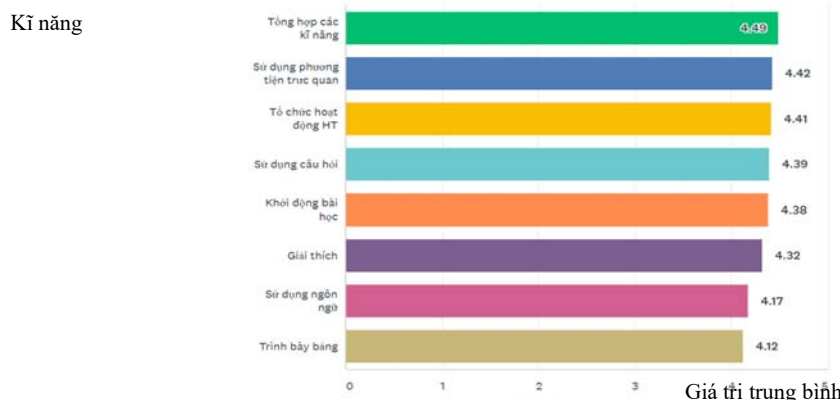
1-2-3-4-5: mức độ Đồng ý từ thấp đến cao của các yếu tố được khảo sát

Hình 3. Đánh giá của sinh viên về phiếu quan sát kỹ năng trong kỹ thuật vi mô

Thứ hai, tất cả phiếu quan sát kỹ năng đều khá phù hợp với mức điểm trung bình giao động từ 4.2 đến 4.5. Cụ thể, *Tổng hợp các kỹ năng dạy học* (4.49), *Kỹ năng sử dụng các phương tiện trực quan* (4.41), *Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập* (4.42) được đánh giá cao. Ngược lại *Kỹ năng trình bày bảng* (4.12), *Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ* (4.17) là những kỹ năng được đánh giá thấp hơn. Giải thích cho lựa chọn này, sinh viên đưa ra các lí do sau:

Đối với kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: Một số khái niệm sử dụng trong bảng quan sát gây khó hiểu đối với sinh viên khi không được giải thích. Các tiêu chí của kỹ năng ngôn ngữ yêu cầu cao hơn so với khả năng thực tế của đa số sinh viên. Hơn thế nữa, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ là kỹ năng sinh viên luyện tập đầu tiên của khóa học.

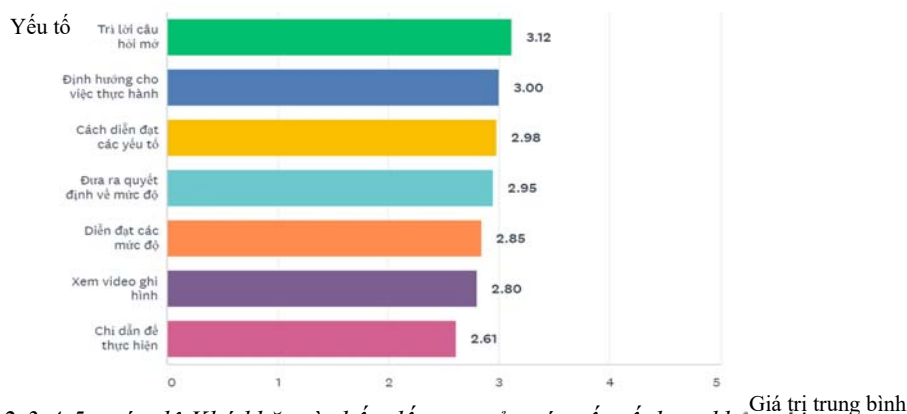
Đối với kỹ năng trình bày bảng: Kỹ năng này không được thực hành độc lập trong quá trình rèn luyện mà lồng ghép trong các kỹ năng khác nên việc sử dụng phiếu quan sát không được liên tục. Các tiêu chí trình bày có chỗ bị trùng lặp, chồng chéo, một số tiêu chí quá cao so với khả năng của sinh viên. Hơn thế nữa, sinh viên không thực sự tập trung rèn luyện kỹ năng trình bày bảng vì điều kiện dạy học hiện nay các phương tiện khác dần thay thế bảng phấn.



1-2-3-4-5: mức độ Phù hợp từ thấp đến cao của các yếu tố được khảo sát

Hình 4. Đánh giá của sinh viên về tính phù hợp của phiếu quan sát trong mỗi kĩ năng

Thứ ba, sinh viên vẫn gặp những khó khăn nhất định khi học sử dụng phiếu quan sát (các tiêu chí giao động ở mức 3.0 – khá khó khăn). Trong đó, những yếu tố được sinh viên cho là khó khăn hơn cả khi thực hiện các bảng quan sát gồm: *Trả lời những câu hỏi mở* (3.12), *Định hướng cho việc thực hành các kĩ năng dạy học của sinh viên thực hành* (3.0), *Cách diễn đạt các yếu tố trong mỗi kĩ năng* (2.98). Còn lại các yếu tố khác đều dưới 3.0 tức là ở mức: Không khó khăn. Kết quả trên được lí giải như sau: Sinh viên nhiều khi không đủ hiểu biết để có thể trả lời đầy đủ các câu hỏi mở. Một vài trường hợp sinh viên “làm biếng” khi phải suy nghĩ để trả lời thay vì chọn một mức độ đã được soạn sẵn trong bảng quan sát. Các phiếu quan sát định hướng một cách tổng thể việc thực hành các kĩ năng cho sinh viên tuy nhiên chưa đủ chi tiết để có những hướng dẫn cụ thể. Mặt khác, định hướng là một phần, thực hiện được một cách hiệu quả hay không lại tùy thuộc vào năng lực của từng sinh viên. Cách diễn đạt các yếu tố trong mỗi kĩ năng cũng khó khăn khi nhiều khái niệm khó hiểu và mang tính cảm tính.



1-2-3-4-5: mức độ Khó khăn từ thấp đến cao của các yếu tố được khảo sát

Hình 5. Đánh giá của sinh viên về mức độ khó khăn của phiếu quan sát kĩ năng

Trên cơ sở đó, sinh viên có đề xuất một số cải tiến đối với phiếu quan sát như sau:

- Rút gọn cách diễn đạt và tiêu chí “con” của một số tiêu chí;
- Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong tiêu chí và có ví dụ cụ thể;
- Các tiêu chí đưa ra cần vừa sức đối với đối tượng là sinh viên;
- Lượng hóa toàn bộ những tiêu chí có khả năng định lượng cao;

- Sắp xếp các tiêu chí trong mỗi kỹ năng thành nhóm theo logic từ thấp đến cao để sinh viên biết được đâu là những yếu tố nền tảng của mỗi kỹ năng, đâu là những yêu cầu cần phải luyện tập nhiều hơn;
- Bổ sung ghi chú khi quan sát dạng CÓ/KHÔNG để lưu ý những điểm sinh viên cần tránh khi thực hành một kỹ năng nào đó.

Bảng 4. Thống kê kết quả khảo sát phiếu quan sát kỹ năng dạy học sau thực nghiệm

Yếu tố/ kỹ năng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung vị	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhu cầu của sinh viên đối với việc rèn luyện một số kỹ năng dạy học					
Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể	2.00	5.00	4.00	4.17	0.70
Kỹ năng sử dụng câu hỏi	3.00	5.00	4.00	4.39	0.58
Kỹ năng giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí	3.00	5.00	4.00	4.32	0.64
Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập	3.00	5.00	4.00	4.41	0.54
Kỹ năng trình bày bảng	1.00	5.00	4.00	4.12	0.80
Kỹ năng khởi động bài học	3.00	5.00	4.00	4.38	0.58
Kỹ năng sử dụng các phương tiện trực quan	3.00	5.00	4.00	4.43	0.54
Tổng hợp các kỹ năng	3.00	5.00	5.00	4.49	0.55
Đánh giá của sinh viên về phiếu quan sát kỹ năng dạy học trên một số tiêu chí					
Những chỉ dẫn, hướng dẫn để thực hiện phiếu quan sát	1.00	5.00	3.00	2.61	1.01
Diễn đạt các mức độ đạt được của các yếu tố (vd: Rất thành thạo, thành thạo, không thành thạo...)	1.00	5.00	3.00	2.85	1.05
Đưa ra các quyết định về mức độ đạt được của các yếu tố khi đánh giá SV thực hành	1.00	5.00	3.00	2.95	1.08
Định hướng cho việc thực hành các kỹ năng dạy học của sinh viên thực hành	1.00	5.00	3.00	3.00	1.28
Trả lời những câu hỏi mở trong phiếu	1.00	5.00	3.00	3.12	1.13
Cách diễn đạt các yếu tố trong mỗi kỹ năng (vd, kỹ năng giải thích: Lời giải thích của giáo viên rõ ràng, chính xác, học sinh có thể hiểu đầy đủ nội dung...)	1.00	5.00	3.00	2.98	1.20
Xem video ghi hình bài giảng và làm phiếu quan sát	1.00	5.00	2.00		1.38
Đánh giá của sinh viên về tính phù hợp của phiếu quan sát một số kỹ năng dạy học					
Kỹ năng giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí	3.00	5.00	5.00	4.55	0.63
Kỹ năng sử dụng câu hỏi	3.00	5.00	5.00	4.47	0.63
Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập	3.00	5.00	5.00	4.53	0.71
Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể	2.00	5.00	5.00	4.47	0.71
Kỹ năng dẫn học sinh tìm hiểu thực tế địa phương	3.00	5.00	4.00	3.98	0.76
Kỹ năng sử dụng các phương tiện trực quan (bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh)	3.00	5.00	4.00	4.28	0.77
Kỹ năng khởi động bài học	2.00	5.00	4.00	4.08	0.82
Tổng hợp các kỹ năng	1.00	5.00	5.00	4.43	0.83
Kỹ năng quản lí lớp học	1.00	5.00	5.00	4.38	0.91
Kỹ năng đánh giá trong dạy học Địa lí	1.00	5.00	4.00	4.15	0.99
Kỹ năng trình bày bảng	1.00	5.00	4.00	3.73	1.00
Đánh giá của sinh viên về những khó khăn gặp phải khi thực hiện phiếu quan sát					
Hỗ trợ sinh viên quan sát khi họ quan sát và góp ý cho sinh viên thực hành	3.00	5.00	4.00	4.17	0.73
Bảng quan sát được thiết kế có tính định lượng	2.00	5.00	4.00	4.02	0.72
Bảng quan sát được thiết kế có tính khách quan	2.00	5.00	4.00	4.22	0.68
Đánh giá một cách chính xác các kỹ năng dạy học	2.00	5.00	4.00	4.00	0.66
Bảng quan sát được thiết kế có tính định tính	2.00	5.00	4.00	4.02	0.64
Các chỉ dẫn được cung cấp rõ ràng, dễ thực hiện	3.00	5.00	4.00	4.12	0.63
Định hướng cho sinh viên khi thực hành khả năng dạy học	3.00	5.00	4.00	4.27	0.59

2.3.3. Cải tiến nội dung và hình thức phiếu quan sát kỹ năng sau thực nghiệm

Từ kết quả thực nghiệm và đề xuất của sinh viên, để nâng cao hiệu quả của các phiếu quan sát kỹ năng, tác giả đã tiến hành cải tiến nội dung và hình thức thể hiện, dưới đây là một ví dụ đối với kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.

Bảng 5. Phiếu quan sát thực hành kỹ năng giải thích (cải tiến)

PHIẾU QUAN SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Áp dụng cho: Kỹ năng giải thích

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên SV được đánh giá:.....Lớp:.....Khóa:.....

Người đánh giá:.....Đối tượng:.....

Nội dung thực hành:.....

Bài học:.....Tiết.....Mục.....Chương trình ĐL lớp:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

B. NỘI DUNG QUAN SÁT

I. Bảng tiêu chí quan sát và đánh giá

CÁC TIÊU CHÍ CỦA KỸ NĂNG GIẢI THÍCH		Các mức độ đánh giá				
		Rất thành thạo	thành thạo	Khá thành thạo	Chưa thành thạo	Không có kỹ năng
NỀN TẢNG	Lời giải thích rõ ràng, chính xác , học sinh có thể hiểu đầy đủ nội dung.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Lời giải thích nhấn mạnh những điểm chính/chủ chốt của nội dung cần giải thích.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Những ví dụ và minh họa phù hợp với nội dung cần giải thích.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hỗ trợ cho việc giải thích.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
NÂNG CAO	Cách lắng nghe và phản hồi câu trả lời của học sinh. ¹	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Cách hệ thống hóa câu trả lời của học sinh và đưa ra đáp án cho phần giải thích. ²	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	Giáo viên sử dụng ngôn ngữ phù hợp ³ (bao gồm cả ngôn ngữ cơ thể)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn: Ở mỗi tiêu chí người quan sát chọn **một mức độ** nhất định phù hợp với trình độ kỹ năng mà người thực hành thể hiện trong bài giảng vi mô. Bỏ trống nếu người thực hành **không** thể hiện.

Giải thích thuật ngữ:

Nền tảng: Những tiêu chí cơ bản sinh viên cần **ĐẢM BẢO** để hình thành và phát triển kỹ năng giải thích

Nâng cao: Những tiêu chí sinh viên cần có để kỹ năng giải thích trở nên chuyên nghiệp

[1]. Áp dụng tiêu chí của **Kỹ năng sử dụng câu hỏi** (Tham khảo Bảng 2 Kỹ năng sử dụng câu hỏi)

[2]. Có thể hệ thống hóa bằng cách ghi bảng/ trình chiếu hoặc diễn đạt có cấu trúc

[3]. Áp dụng tiêu chí của **Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ** (Tham khảo Bảng 1 Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ)

III. Ghi chú của người quan sát

- Những điểm **chưa chính xác** trong phần giải thích của giáo viên (nếu có)?
(Sai sót về kiến thức bộ môn, diễn đạt chưa chính xác, ví dụ chưa chính xác...)
- Cách sử dụng **phương tiện trực quan/ví dụ** cần cải tiến những điểm nào?
(Có phương tiện dạy học nào tốt hơn không? Có ví dụ nào dễ hiểu hơn không? Phương pháp sử dụng phương tiện cần thay đổi gì?)
- Một số hạn chế cần cải tiến trong **sử dụng câu hỏi/ ngôn ngữ** người dạy sử dụng?
- Những nhận xét và gợi ý khác về kỹ năng giải thích:

C. KẾT LUẬN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG RÈN LUYỆN

I. Kết luận

Đánh giá một cách tổng thể kỹ năng giải thích của sinh viên đạt mức:

(Tham khảo phần giải thích trước khi quyết định mức độ đánh giá)

Rất Thành thạo	<input type="checkbox"/>	Thành thạo	<input type="checkbox"/>	Khá thành thạo	<input type="checkbox"/>	Chưa thành thạo	<input type="checkbox"/>	Không có KN	<input type="checkbox"/>
----------------	--------------------------	------------	--------------------------	----------------	--------------------------	-----------------	--------------------------	-------------	--------------------------

II. Phương hướng rèn luyện

Cần cải tiến về:

Rất thành thạo	Tất cả các tiêu chí CƠ BẢN đạt mức Rất thành thạo; các tiêu chí NÂNG CAO đạt thành thạo/ khá thành thạo trở lên
Thành thạo	Tất cả các tiêu chí CƠ BẢN đạt mức Rất thành thạo/thành thạo; các tiêu chí NÂNG CAO đạt thành thạo/ khá thành thạo trở lên
Khá thành thạo	Tất cả các tiêu chí CƠ BẢN đạt mức Rất thành thạo/thành thạo; các tiêu chí NÂNG CAO đạt thành thạo/ khá thành thạo trở lên; một vài tiêu chí nâng cao Chưa thành thạo
Chưa thành thạo	5/7 tiêu chí đạt mức Chưa thành thạo
Không có KN	Tất cả tiêu chí đạt Chưa thành thạo/không có kỹ năng

3. Kết luận

Trên cơ sở vận dụng lý thuyết và kết quả thực nghiệm tác giả đưa ra một số kết luận sau: 1) Phiếu quan sát kỹ năng là công cụ có vai trò rất quan trọng trong kỹ thuật dạy học vì mô vì nó đảm bảo cho tính định hướng của quá trình sinh viên luyện tập các kỹ năng dạy học. 2) Không có một mẫu phiếu quan sát nào là tối ưu, chính vì thế việc xây dựng hệ thống phiếu quan sát cần có sự kết hợp nhiều hình thức sao cho phù hợp nhất theo 3 tiêu chí: Khoa học, Định hướng và Dễ thực hiện. 3) Phiếu Quan sát kỹ năng trong dạy học vì mô phải được cải tiến thường xuyên để phù hợp với đối tượng sinh viên tham gia thực hành và rèn luyện kỹ năng.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dang, V. D. & Nguyen, T. H. (2004). *Geography Teaching Methods* (Version 2). Hanoi: Ha Noi National University of Education.
- Nguyen, D., & Nguyen, T. P. (2006). *Geography TEACHING THEORY*. (Version 2). Hanoi: Ha Noi National University of Education.
- Ton, Q. C. (nd). *Applying Rubric assessment in teaching*. Retrieved from: <https://www.academia.edu>
- Tran, A. T. (1996). *Develop a process of practicing basic teaching skills in the form of pedagogical practice*. PhD diss., University of Education belong to Hanoi National University.
- Tran, T. T. T. (2013). *Train teaching skills for Geography teacher students by Micro teaching method*. PhD diss., Hanoi National University of Education.
- Trinh, L. H. P. & Doan, C. G. (2015). Building competency assessment scale for using chemical language of high school students. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 3(68), 98-105.
- Vietnamese Ministry of Education and Training - Vietnam - Belgium Project. (2010). *Active teaching and learning - Some teaching methods and techniques*. (Version 1). Hanoi: Ha Noi National University of Education.

**DESIGNING TEACHING SKILLS OBSERVATION FORMS FOR MICRO-TEACHING
TECHNIQUE IN GEOGRAPHY TEACHER EDUCATION*****Ha Van Thang****Ho Chi Minh City University of Education**Corresponding author: Ha Van Thang – Email: thanghv@hcmue.edu.vn**Received: April 18, 2019; Revised: May 21, 2019; Accepted: June 10, 2019***ABSTRACT**

This article provides a solution to design Teaching Skills Observation Forms for micro-teaching technique used in modules in Geography Teaching Methodology for High School. In particular, micro-teaching as a technique and teaching skill is discussed. The advantages and disadvantages of teaching skills observation forms are also analyzed in order to design the most appropriate ones. The forms were then applied at the Department of Geography, Ho Chi Minh University of Education. The results are presented and evaluated in this paper.

Keywords: Teaching Skills Observation Forms, Micro-teaching technique, Geography Teaching Methodology.